

Ngành : Công nghệ thông tin (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị	KHẢ QUAN	CTCP FPT (HSX: FPT)	Cập nhật kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021		
Giá hiện tại	93,800	Ngày viết báo cáo:	17/08/2021	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây	86,000	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	784	Trương Gia Bình	7.1%
Giá mục tiêu 1 năm	107,000	Vốn hóa (tỷ đồng)	86,209	SCIC	5.9%
Tỷ suất cổ tức	0%	Thanh khoản bình quân 10 phiên:	2,478,220	Macquarie Group	5.4%
Tiềm năng tăng giá	14%	Sở hữu nước ngoài	49%	Bùi Quang Ngọc	2.5%

Chuyên viên phân tích ngành:

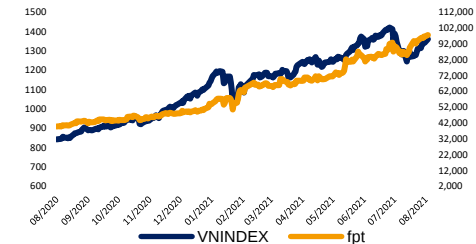
Nguyễn Thị Cẩm Tú, CFA
(Công nghệ, Thủy sản, Dệt may)
tuntc@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

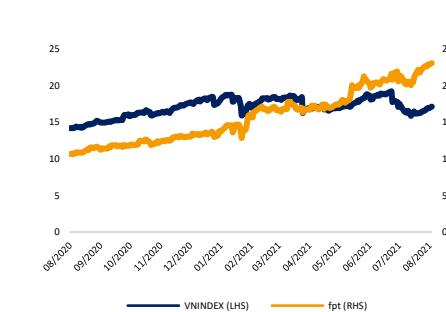
Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Giá khuyến nghị: 114,500 VND
Giá cắt lỗ: 88,500 VND

Bảng so sánh giá FPT và VN- Index



Bảng so sánh P/E của FPT và VN index



Định giá

- Chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu FPT với giá mục tiêu giữa năm 2022 107,000 đồng với tiềm năng tăng giá là 14% so với mức giá ngày 17/08/2021 dựa trên hai phương pháp định giá là FCFE và PE với tỷ trọng là 60%/40%.

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2021

- BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của FPT lần lượt ước đạt 36,140 tỷ đồng (+21.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 5,323 tỷ đồng (+20.4% YoY). EPS FW 2021 = 5,049 đồng. PE FW 2021 = 18.5 lần.
- BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2022 của FPT lần lượt ước đạt 42,086 tỷ đồng (+17% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 6,324 tỷ đồng (+20% YoY). EPS FW 2022 = 6,103 đồng. PE FW 2021 = 15.4 lần.

Quan điểm đầu tư

- Doanh nghiệp Công nghệ đầu ngành đứng trước cơ hội Chuyển đổi số
- Tốc độ tăng trưởng kỳ vọng duy trì mức trên 20% trong 3 năm tới

Rủi ro

- Diễn biến phức tạp của dịch bệnh ảnh hưởng đến tốc độ hồi phục
- Rủi ro về cạnh tranh thu hút nguồn nhân lực Công nghệ

Cập nhật doanh nghiệp

- Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, FPT ghi nhận kết quả kinh doanh với tốc độ tăng trưởng phù hợp với dự phòng của BSC. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 19,001 tỷ (+19% YoY) và 2,822 tỷ (+18% YoY) với mức tăng trưởng khá quan tại tất cả các ngành.

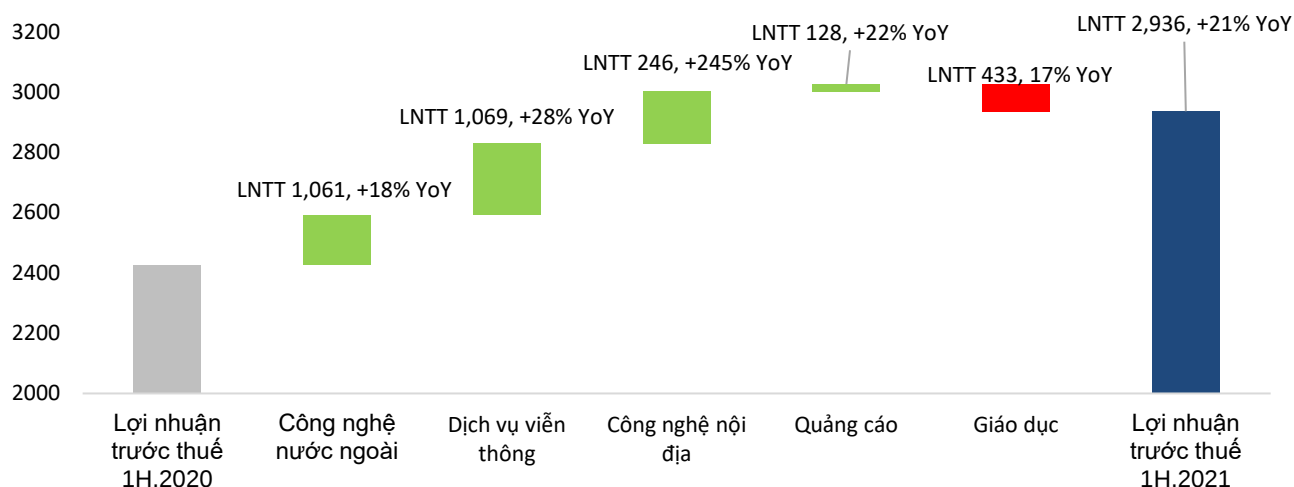
	2019	2020	Peer	VN-Index		2019	2020	2021F	2022F
PE (x)	11.4	19.3	33.3	17.3	Doanh thu	27,717	29,830	36,140	42,086
PB (x)	2.5	1.8	3.2	2.4	Lợi nhuận gộp	10,712	11,816	14,456	16,834
PS (x)	1.2	2.5	2.8	2.0	Lợi nhuận sau thuế	3,912	4,422	5,323	6,324
ROE (%)	24%	24%	14%	13%	EPS	4,220	4,119	5,049	6,103
ROA (%)	11%	13%	6%	2%	Tăng trưởng EPS	8.3%	12.3%	21.6%	20.8%

I. CẬP NHẬT KẾT QUẢ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Lũy kế 7 tháng năm 2021, FPT ghi nhận kết quả kinh doanh với tốc độ tăng trưởng phù hợp với dự phóng của BSC. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 7 tháng lần lượt đạt 19,001 tỷ (+19% YoY) và 2,822 tỷ (+18% YoY), tương đương với 53% dự phóng cả năm của BSC.

Cấu trúc hoạt động kinh doanh không có nhiều thay đổi với đóng góp chính tiếp tục đến từ hai mảng Công nghệ và Viễn thông với tỷ trọng lợi nhuận trước thuế lần lượt là 41% và 44%.

Tăng trưởng lợi nhuận theo ngành trong 1H.2021

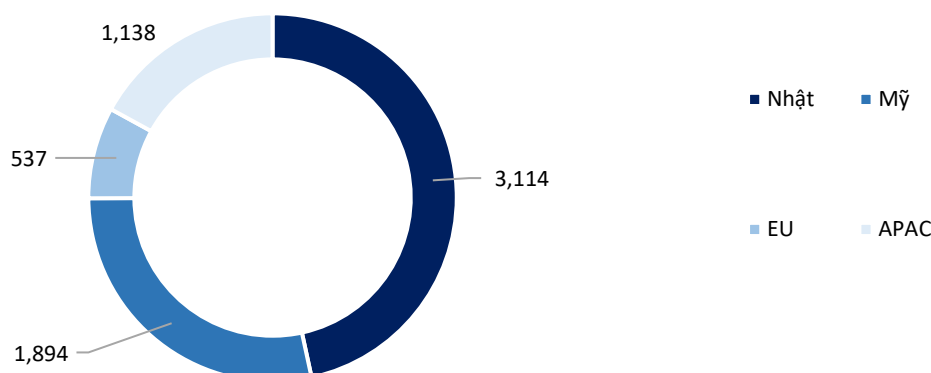


Nguồn: FPT

Hầu hết các hoạt động kinh doanh đều ghi nhận mức tăng trưởng khả quan:

+ Mảng Công nghệ nước ngoài hưởng lợi nhờ (i) Nhu cầu đầu tư vào công nghệ của khách hàng tăng trở lại (ii) Xu hướng Chuyển đổi số tiếp tục diễn ra. Thị trường Nhật tiếp tục chiếm tỷ trọng chính, mặc dù tốc độ tăng trưởng chậm lại (+3% YoY), tuy nhiên, ban lãnh đạo tự tin thị trường Nhật sẽ phục hồi trên 20% trong 6 tháng cuối năm.

Cơ cấu thị trường công nghệ nước ngoài 1H.2021



Nguồn: FPT

+ Mảng Dịch vụ viễn thông hưởng lợi do (i) Trì hoãn đầu tư tuyến cáp đất liền do tình hình dịch Covid – 19 phức tạp giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện (ii) Nhu cầu các sản phẩm viễn thông khả quan khi diễn ra giãn cách xã hội (IP TV đã có lãi)

+ Hai mảng Công nghệ nội địa và Quảng cáo đều ghi nhận mức tăng trưởng tốt do hồi phục từ mức nền thấp của năm 2020.

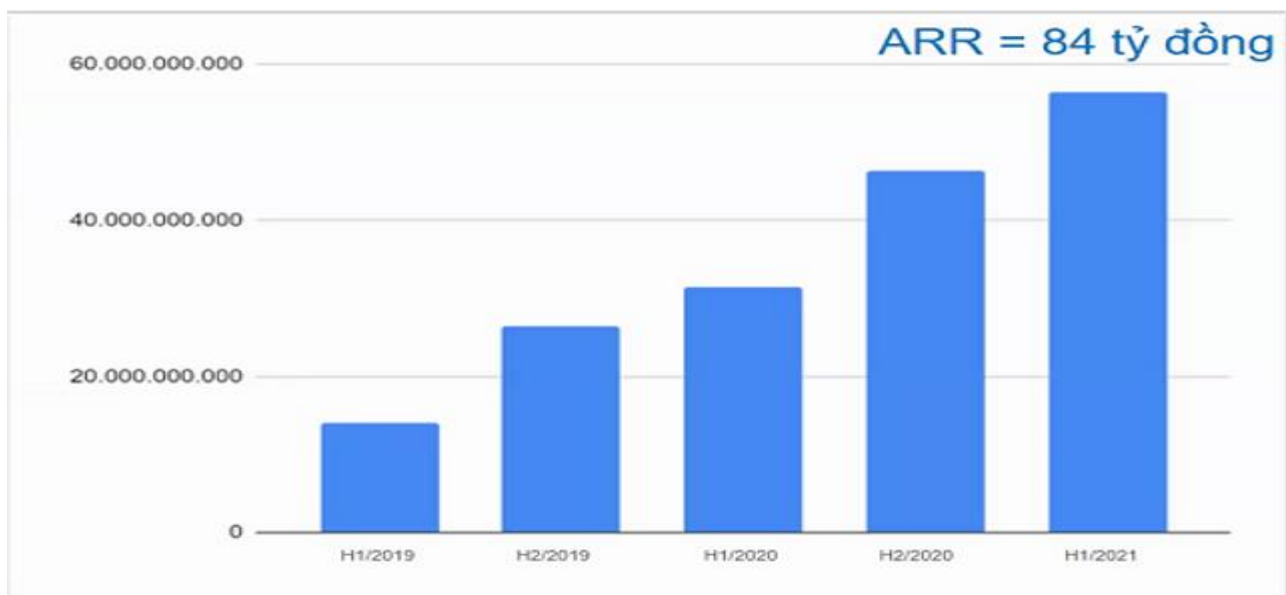
BSC cho rằng mặc dù dịch bệnh đang diễn biến phức tạp tại Việt Nam (đặc biệt là các tỉnh phía Nam), ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội đối với hoạt động kinh doanh của FPT không quá tiêu cực khi FPT đã có kinh nghiệm triển khai làm việc từ xa trong nhiều lần bùng dịch tại Việt Nam (lần dịch ở Đà Nẵng khoảng 85% lực lượng lao động làm việc từ xa). Đồng thời, tính đến thời điểm hiện tại, khoảng 33% lực lượng lao động của FPT đã được tiêm vắc xin mũi 1, riêng tại thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ tiêm mũi 1 là 62% (dự kiến sẽ đạt 100% trong tháng 8).

Ngoài ra, trong buổi Analyst Meeting ngày 3 tháng 8, ban lãnh đạo cũng đã chia sẻ thông tin về các start up mà FPT đang đầu tư, đang chú ý là Base.vn. BSC cho rằng việc đầu tư vào các start – up sẽ chưa có tác động đến kết quả kinh doanh chung của FPT trong ngắn hạn, tuy nhiên sẽ có ảnh hưởng tích cực trong dài hạn.

Một số thông tin về Base.vn

Base.vn là nền tảng quản trị doanh nghiệp với các ứng dụng tiêu biểu như Base Work +, Base Infor +, Base Sales +,... với tệp khách hàng hơn 5,000 doanh nghiệp.

Theo lãnh đạo FPT chia sẻ, các start – up FPT đầu tư mục tiêu trước mắt là thu hút tệp khách hàng (thời gian khoảng trong 3 – 5 năm). Do đó, một trong chỉ số để đánh giá start – up ở giai đoạn đầu phát triển mà FPT đang sử dụng là ARR (Annual Recurring Revenue) (Doanh thu định kỳ hàng năm). Hiện tại, ARR của Base.vn trong 1H.2021 là 84 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng doanh thu là 80% YoY và tăng trưởng Paid app là 60% YoY.



II. TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2022

Tiếp tục duy trì quan điểm trong báo cáo trước ([Link](#)), BSC duy trì quan điểm **KHẢ QUAN** đối với triển vọng của FPT trong năm 2022 do (i) Khối Công nghệ kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng cao do tiềm năng thị trường lớn và xu hướng Chuyển đổi số vẫn diễn ra (ii) Khối Viễn thông gặp thách thức với một mức nền cao của năm 2022.

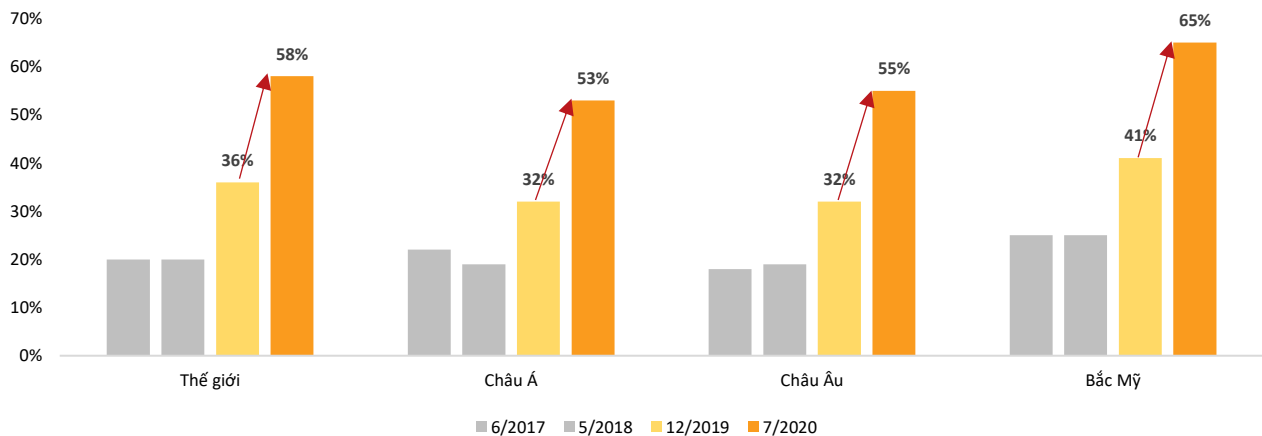
(i) Khối Công nghệ kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng khả quan sau dịch Covid - 19

Covid – 19 là đòn bẩy đẩy nhanh xu hướng Chuyển đổi số, quá khứ cũng cho thấy các đợt khủng hoảng lại là cơ hội để ngành công nghệ phát triển (ví dụ: khủng hoảng 2YK).

+ Chuyển đổi số là xu hướng đến từ nhu cầu áp dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh của khách hàng. Thị trường Chuyển đổi số toàn cầu dự kiến tăng trưởng 16%/năm so với mức tăng trưởng chung 4%/năm của ngành IT với quy mô kỳ vọng đạt 695 tỷ USD vào năm 2025 (theo Market Data Forecast).

+ Dịch bệnh Covid – 19 làm thay đổi hành vi khách hàng trong việc đầu tư Công nghệ: tăng nhu cầu với việc tối ưu hóa chi phí, tối ưu hệ thống vận hành... khi hoạt động kinh doanh bị gián đoạn (làm việc từ xa, chuyển sang mô hình trực tuyến,...). Theo khảo sát của McKinsey, dịch bệnh Covid – 19 đã khiến tỷ trọng tương tác số hóa của khách hàng tăng vọt bằng 3 năm trước cộng lại.

Tỷ trọng Hoạt động tương tác số hóa của khách hàng

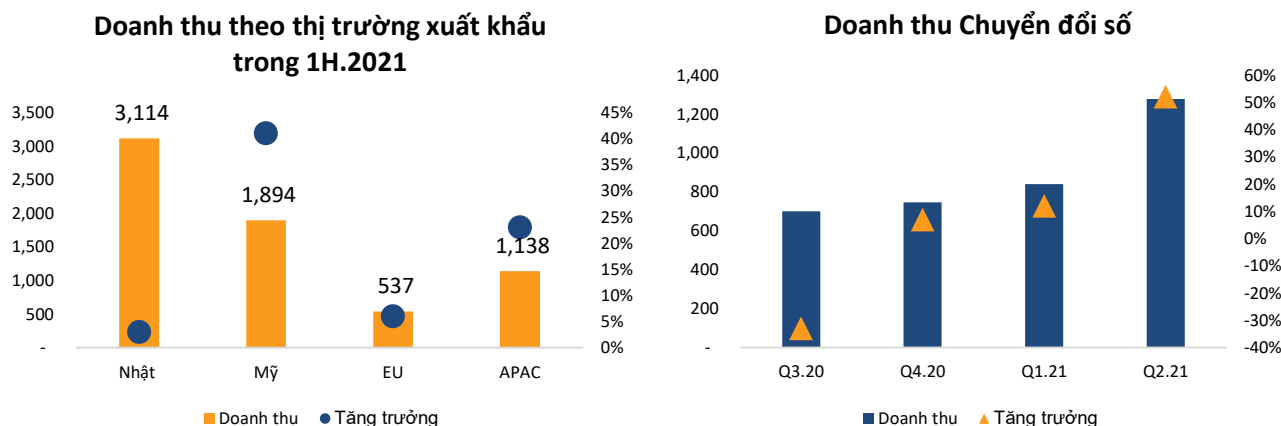


Nguồn: McKinsey

Tập đoàn cũng đã rất nhanh nhạy trong việc phát triển các sản phẩm Made – by – FPT phục vụ cho nhu cầu Chuyển đổi số của khách hàng (dù còn trong giai đoạn mới phát triển): AkaBot, AkaDoc, AkaChain,...

Vì vậy, BSC cho rằng Chuyển đổi số vẫn sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của khối Công nghệ trong năm 2022. Tập đoàn cũng đặt kế hoạch tốc độ tăng trưởng bình quân của mảng Chuyển đổi số là 40%/năm và kỳ vọng sẽ đóng góp 50% doanh thu của Công nghệ nước ngoài trong 4 năm tới.

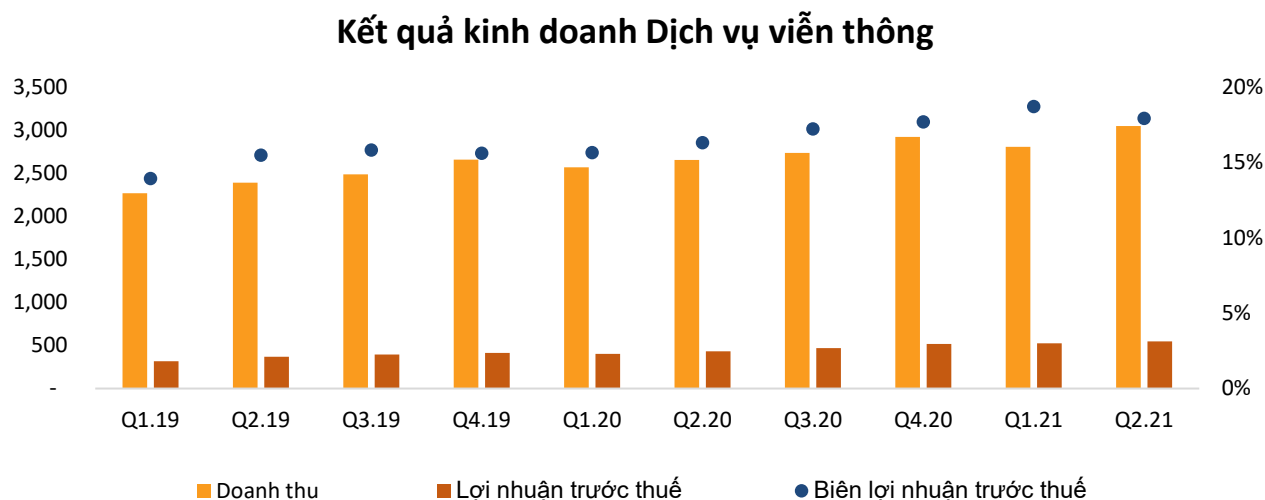
BSC kỳ vọng trong năm 2022, doanh thu công nghệ nước ngoài ghi nhận sự hồi phục tại thị trường Nhật Bản (sau khi hết lệnh giãn cách xã hội) và mức tăng trưởng cao tại thị trường Mỹ nhờ ảnh hưởng tích cực gián tiếp của trung tâm sản xuất tại Costa Rica và tiềm năng thị trường lớn (+40% YoY).



Nguồn: FPT

(ii) Khối Viễn thông gặp thách thức với một mức nền cao của năm 2021

Trong giai đoạn 2020 – 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid khiến việc giải ngân đầu tư cho khối Viễn thông (tuyến cáp đất liền) bị trì hoãn giúp chi phí giảm, biên lợi nhuận của mảng Viễn thông tăng trưởng tốt.



Nguồn: FPT

Tuy nhiên, BSC cho rằng trong năm 2022, sau khi dịch Covid – 19 được kiểm soát, việc đầu tư sẽ được triển khai trở lại khiến mức biên lợi nhuận trong năm 2022 có thể giảm và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận quay về mức trung bình của ngành quanh 11 – 13%/năm (từ mức biên 19% về mức 15%).

Ngoài ra, (i) Truyền hình FPT có lãi và (ii) Triển khai các Data Center mới là hai nhân tố hỗ trợ mức tăng trưởng của mảng Viễn thông trong năm 2022.

+ Tính đến tháng 8 năm 2021, truyền hình FPT đạt 2 triệu thuê bao. Doanh thu đạt 1,000 tỷ và lợi nhuận lần đầu tiên ghi nhận lãi 100 tỷ. BSC cho rằng dịch Covid 19 đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng dịch vụ, giúp số lượng thuê bao tăng trưởng tốt.

+ FPT tiếp tục mở rộng các Data Center với kế hoạch là mở mới 2 Data Center ở Hồ Chí Minh và 1 Data Center ở Hà Nội. Các Data Center sẽ hỗ trợ cải thiện mức biên lợi nhuận của mảng Viễn thông khi biên thuần của DC là 30% (so với mức biên thuần của khối Viễn thông là 22%).

III. DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

Dự phóng kết quả kinh doanh 2022: BSC kỳ vọng **doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2022 của FPT dự phóng đạt 42,086 tỷ đồng (+17% YoY) và 6,323 tỷ (+19% YoY)** dựa trên giả định:

- Doanh thu các thị trường xuất khẩu phần mềm ghi nhận mức tăng trưởng mạnh: Thị trường Nhật đạt 8,401 tỷ (+15% YoY); thị trường Châu Âu đạt 1,784 tỷ (+30% YoY) và thị trường Mỹ đạt 5,708 tỷ (+40% YoY).

- Khối Viễn thông tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng khả quan: Mạng Dịch vụ Viễn thông đạt 13,728 tỷ doanh thu (+13% YoY), Doanh thu mạng Nội dung đạt 635 tỷ (+5% YoY).

- Biên lợi nhuận gộp dự báo tăng nhẹ lên mức 40.0% từ 39.6% nhờ tăng tỷ trọng các dự án liên quan đến Chuyển đổi số và tăng năng suất lao động

- Biên chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tương đương năm 2020 là 24%

Bảng Dự phóng kết quả kinh doanh của FPT

Đv: tỷ đồng	2020	2021F	2022F
Doanh thu thuần	29,830	36,140	42,086
Khối Công nghệ	16,805	21,587	25,776
+ CNTT Nước ngoài	12,000	16,476	20,359
Khối Viễn Thông	11,466	12,784	14,364
+ Dịch vụ Viễn thông	10,867	12,149	13,729
+ Nội dung số	599	635	635
Giá vốn hàng bán	(18,015)	(21,684)	(25,252)
Lợi nhuận gộp	11,816	14,456	16,834
Biên LNG	39.6%	40.0%	40.0%
Chi phí bán hàng	(2,713)	(3,253)	(3,788)
Biên Chi phí bán hàng	9.1%	9.0%	9.0%
Chi phí quản lý	(4,495)	(5,421)	(6,313)
Biên Chi phí quản lý Dn	15.1%	15.0%	15.0%
Lợi nhuận trước thuế	5,263	6,337	7,467
Lợi nhuận sau thuế	4,424	5,323	6,324
EPS	4,120	5,049	6,103

Nguồn: BSC Research

Phương pháp PE: So với báo cáo cập nhật mới nhất ([Link](#)), chúng tôi tiếp tục giữ mức P/E mục tiêu đối với FPT là 18.

Bảng So sánh mức định giá của một số doanh nghiệp trong khu vực

Mã chứng khoán	Công ty	Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	DT (nghìn tỷ VND)	ROE	Biên LNR	P/E
3706 TT	Mitac Holding Corp	27.8	26.9	7.4%	14.5%	6.2
eFSOL IN	First Source Solution Ltd	43.1	13.3	n/a	n/a	34.2
Info IN	Infosys	2,245	297	28.2%	33.1%	30.4
WPRO IN	WIPRO	1,037	200	18.7%	28.5%	29.5
300365 CH	Beijing forever Technology	23.0	3.8	11.9%	51.5%	78.7
CAP FP	Capgemini	866	421	14.8%	26.1%	29.3
300496 CH	Thunder Software Technology	197	6.1	13.3%	42.6%	101.1
300520 CH	Guochang Software Company	21.0	5.3	7.7%	29.6%	110.1
FPT	FPT	86.2	29.3	23.8%	29.6%	22.4
Trung vị						34.2

Phương pháp PE	2020	2021	2022
EPS	4,119	5,049	6,103
PE		18	18
Giá trị hợp lý		90,900	109,900

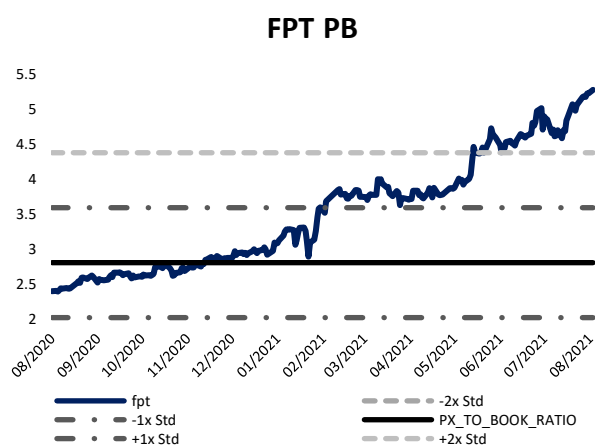
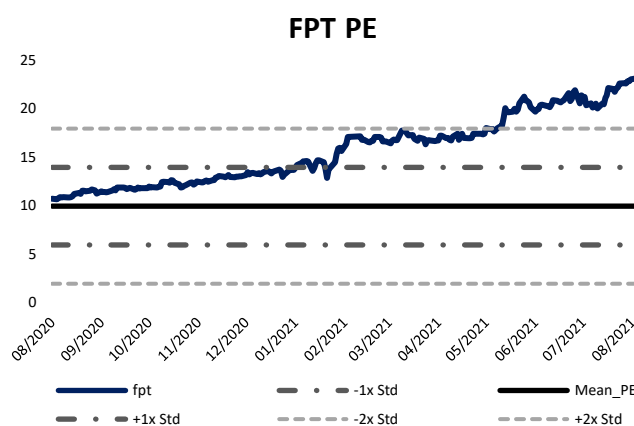
Phương pháp Chiết khấu dòng tiền:

Chi phí vốn bình quân	
Rf	3.5%
Beta	0.9
Ke	12.5%
Kd	8%
E/A	60%
Thuế	20%
WACC	11.5%
g	6%

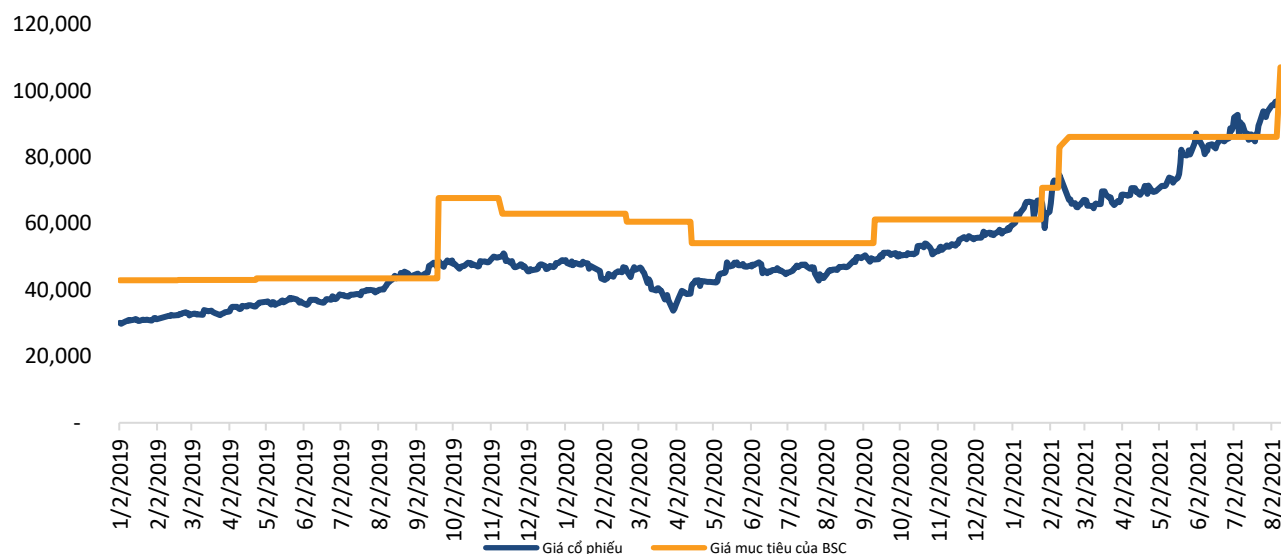
	2022F	2023F	Terminal
Dòng tiền tự do của công ty	4,104	3,729	69,645
Giá trị hiện tại	77,929		
Tổng giá trị doanh nghiệp	95,051		
Nợ	12,740		
Vốn chủ sở hữu	82,321		
Số lượng cổ phiếu	783,987,486		
Giá trị mỗi cổ phiếu (VND)	104,900		

	Giá	Tỷ trọng	Giá bình quân
FCFF	104,900	60%	63,000
P/E	109,900	40%	44,000
		Giá mục tiêu	107,000
		Giá hiện tại	93,800
		Upside	14%

Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu FPT với **giá mục tiêu cho năm 2022 là 107,000 VND/cp** dựa theo hai phương pháp P/E và FCFF với tỷ trọng 40%/60%.



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI KHUYẾN NGHỊ



PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F
Doanh thu thuần	23,213	27,717	29,830	36,140
Giá vốn hàng bán	-14,490	-17,005	-18,014	-21,684
Lợi nhuận gộp	8,723	10,712	11,816	14,456
Chi phí bán hàng	-2,048	-2,346	-2,713	-3,253
Chi phí QLDN	-3,559	-4,219	-4,501	-5,421
Lãi/lỗ HĐKD	3,795	4,610	5,188	6,317
Doanh thu tài chính	607	650	822	723
Chi phí tài chính	-368	-592	-548	-530
Chi phí lãi vay	-238	-358	-385	-444
Lợi nhuận từ CTLĐ/LK	439	405	312	342
Lãi/lỗ khác	58	55	73	20
Lợi nhuận trước thuế	3,852	4,664	5,261	6,337
Thuế thu nhập DN	-623	-753	-839	-1,014
LN sau thuế	3,228	3,912	4,422	5,323
CĐTS	614	776	885	1,011
LNST - CĐTS	2,615	3,135	3,537	4,312
EPS	3,897	4,220	4,119	5,049

CĐKT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F
Tiền và tương đương tiền	3,926	3,453	4,685	7,725
Đầu tư ngắn hạn	5,568	6,709	12,436	6,709
Phải thu ngắn hạn	6,424	6,536	6,263	8,913
Tồn kho	1,340	1,284	1,290	2,043
TS ngắn hạn khác	1,114	996	934	1,185
TS ngắn hạn	18,373	18,979	25,608	26,127
TS hữu hình	6,513	7,492	8,318	9,941
TS dở dang dài hạn	1,174	1,650	2,373	175
ĐT dài hạn	2,202	2,496	2,605	2,570
TS dài hạn khác	1,352	2,287	2,601	2,312
TS dài hạn	11,352	14,415	16,141	15,281
Tổng TS	29,726	33,394	41,749	41,437
Nợ phải trả	2,510	2,641	23,148	2,185
Vay ngắn hạn	6,603	7,513	12,062	9,383
Nợ ngắn hạn khác	337	387	726	310
Tổng Nợ ngắn hạn	14,432	16,102	22,382	15,425
Vay dài hạn	366	349	678	479
Nợ dài hạn khác	109	92	38	79
Tổng Nợ dài hạn	531	493	765	470
Tổng Nợ	14,963	16,594	23,148	17,090
Vốn góp	6,136	6,783	7,840	7,840
Thặng dư vốn cổ phần	50	50	50	50
LN chưa phân phối	5,289	5,961	6,391	10,562
Vốn chủ khác	87	765	920	103
Cổ đông thiểu số	2,301	2,835	2,859	4,571
Tổng Vốn chủ sở hữu	14,762	16,799	18,603	22,553
Tổng nguồn vốn	29,726	33,394	41,749	41,437
Số lượng cổ phiếu lưu hành (tr)	613	678	784	784

LCTT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F
(Lỗ)/LNTT	3,852	4,664	5,261	6,619
Khấu hao và phân bổ	1,164	1,355	1,491	1,534
Thay đổi vốn lưu động	-255	81	-86	(1,247)
LCTT từ HĐ KD	3,584	3,898	6,321	4,902
Tiền chi mua TSCĐ	-2,464	-3,233	-3,018	(1,216)
LCTT từ HĐ Đầu tư	-3,696	-3,845	-8,127	(1,309)
Tiền chi trả cổ tức	-1,707	-1,483	-1,899	(1,357)
Tiền từ vay ròng	-2,239	899	4,879	821
Tiền thu khác	-9	-	-	-
LCTT từ HĐ Tài chính	558	-514	-3,037	(535)
Dòng tiền đầu kỳ	3,480	3,926	3,453	4,684
Tiền trong kì	446	-460	1,232	3,058
Dòng tiền cuối kỳ	3,926	3,453	4,684	7,725

Chỉ số(%)	2018	2019	2020	2021F
Khả năng thanh toán				
Hố TT ngắn hạn	1.27	1.18	1.15	1.59
Hố TT nhanh	1.10	1.04	1.05	1.40
Cơ cấu vốn				
Hố Nợ/TTS	50%	50%	55%	44%
Hố Nợ/VCSH	101%	99%	124%	78%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	29.7	28.2	26.1	39.8
Số ngày phải thu	83.3	74.9	78.3	56.0
Số ngày phải trả	60.3	55.3	43.7	32.4
CCC	52.7	47.8	54.6	63.4
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	37.6%	38.6%	39.6%	39.2%
Lợi nhuận LNST	13.9%	14.1%	14.8%	14.1%
ROE	23.1%	24.8%	24.9%	24.7%
ROA	11.8%	12.4%	11.7%	13.2%
Định Giá				
PE	11.1	10.8	11.7	9.3
PB	2.6	2.1	2.1	1.8
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-45.6%	19.4%	7.6%	19.9%
Tăng trưởng LNTT	-9.5%	21.1%	12.8%	24.3%
Tăng trưởng EPS	-24.0%	8.3%	2.4%	25.6%

Nguồn: BSC Research.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

